

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ - XNK Nông sản Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

| | | |
|--------------------------|-------------------|----------|
| Hội đồng quản trị | Ông Đào Mạnh Hùng | Chủ tịch |
| | Bà Hoàng Thị Anh | Ủy viên |
| | Bà Trần Thu Hồng | Ủy viên |

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

| | | |
|----------------------|-------------------------|---------------------------------------------------|
| Ban Giám đốc | Bà Trần Thu Hồng | Tổng Giám đốc |
| | Bà Lại Thị Mai Phương | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/10/2018) |
| | Bà Đào Thu Hòa | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Đào Chí Hiệp | Phó Tổng Giám đốc |
| Ban Kiểm soát | Bà Trần Diệu Thúy | Trưởng ban |
| | Bà Nguyễn Thị Nga | Ủy viên |
| | Nguyễn Thị Phương Nhung | Ủy viên |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Thị Hồng Quỳnh

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2018-264-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Huy Bình

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3274-2017-264-1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Thị Hồng Quỳnh

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2018-264-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Huy Bình

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3274-2017-264-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XNK NÔNG SẢN HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|------------------------------------------------------------|------------|-----|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 27.920.787.930 | 3.466.780.411 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 765.404.684 | 221.662.031 |
| 1. Tiền | 111 | 5.1 | 765.404.684 | 221.662.031 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 27.150.445.064 | 3.245.118.380 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 3.557.870.482 | 3.169.758.859 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 710.000.000 | - |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.4 | 25.100.000.000 | 2.000.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 306.241.359 | 599.026.298 |
| 5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 137 | 5.6 | (2.523.666.777) | (2.523.666.777) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.938.182 | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.7 | 4.938.182 | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260) | 200 | | 40.122.058.081 | 62.081.771.997 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.950.000.000 | 26.770.000.000 |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 5.4 | 1.950.000.000 | 26.770.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 36.192.204.406 | 35.266.289.058 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 36.192.204.406 | 35.266.289.058 |
| - Nguyên giá | 222 | | 55.689.684.362 | 52.973.601.634 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (19.497.479.956) | (17.707.312.576) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.979.853.675 | 45.482.939 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.7 | 1.979.853.675 | 45.482.939 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 68.042.846.011 | 65.548.552.408 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 14.198.281.362 | 13.447.723.868 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 9.400.781.362 | 8.520.223.868 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.9 | 278.964.138 | - |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.10 | 212.500.000 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.11 | 4.367.105.686 | 3.210.389.624 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 426.298.750 | 548.496.000 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.12 | 2.523.594.307 | 2.576.451.034 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.13 | 502.388.637 | 300.000.000 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.14 | 695.933.662 | 1.454.933.662 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 393.996.182 | 429.953.548 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 4.797.500.000 | 4.927.500.000 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 5.13 | 2.325.000.000 | 2.625.000.000 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.14 | 2.472.500.000 | 2.302.500.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | | 53.844.564.649 | 52.100.828.540 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.15 | 53.844.564.649 | 52.100.828.540 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 8.810.745.710 | 8.810.745.710 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.326.714.789 | 558.632.209 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 225.412.148 | 171.175.352 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 3.481.692.002 | 2.560.275.269 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 3.481.692.002 | 2.560.275.269 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 68.042.846.011 | 65.548.552.408 |

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Kim Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Tổng Giám đốc



Trần Thu Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2018 | Năm 2017 |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|----------------------|----------------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.16 | 15.628.717.837 | 17.870.960.987 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 15.628.717.837 | 17.870.960.987 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.17 | 8.590.201.035 | 10.224.657.839 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 7.038.516.802 | 7.646.303.148 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.18 | 2.279.797.134 | 1.435.764.729 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.19 | 23.500.000 | 24.875.000 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 5.20 | 5.683.389.207 | 5.768.219.977 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 3.611.424.729 | 3.288.972.900 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 5.21 | 898.168.444 | 363.636 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 5.21 | 104.382.536 | 71.193.960 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 793.785.908 | (70.830.324) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 4.405.210.637 | 3.218.142.576 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.22 | 923.518.635 | 657.867.307 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 3.481.692.002 | 2.560.275.269 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.24 | -870 | 506 |

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Kim Lan

Nguyễn Thị Tuyết

Trần Thu Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XNK NÔNG SẢN HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

| CHỈ TIÊU | MS | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. (Lỗ)/ Lợi nhuận trước thuế | 01 | 4.405.210.637 | 3.218.142.576 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | 2.324.593.658 | 2.090.523.058 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | 71.250.000 |
| - (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (2.279.797.134) | (1.380.974.482) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 23.500.000 | - |
| 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 4.473.507.161 | 3.998.941.152 |
| - (Tăng)/ giảm các khoản phải thu | 09 | (1.093.233.394) | (128.605.125) |
| - Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (328.383.775) | 959.171.271 |
| - (Tăng)/ giảm chi phí trả trước | 12 | (1.939.308.918) | 149.462.844 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (23.500.000) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (475.000.000) | (787.026.841) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (573.913.259) | (375.914.389) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 40.167.815 | 3.816.028.912 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (3.374.543.637) | (32.081.818) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 300.672.727 | 363.636 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (1.950.000.000) | (5.100.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 3.670.000.000 | - |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.548.945.748 | 1.748.481.150 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 1.195.074.838 | (3.383.237.032) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (691.500.000) | (520.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (691.500.000) | (520.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | 543.742.653 | (87.208.120) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 221.662.031 | 308.870.151 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 765.404.684 | 221.662.031 |

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Kim Lan

Nguyễn Thị Tuyết

Trần Thu Hồng